

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HPQC AN AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HPQC AN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HPQC AN AN INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN AN HPQC INVEST.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110091257

3. Ngày thành lập: 15/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 258 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915845423

Fax:

Email: thuynt.bd.59@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống camera; Hệ thống bảo mật tòa nhà và hệ thống điều khiển nhà thông minh; Hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, chống sét (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4329
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở)	4620
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (không hoạt động tại trụ sở)	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
10.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

12.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
13.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ sau thu hoạch.	0163
17.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội thảo, triển lãm	8230
19.	Dịch vụ đóng gói	8292
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
21.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
22.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
23.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
24.	Lập trình máy vi tính	6201
25.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: + Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm + Dịch vụ thiết kế, lắp đặt và bảo trì các hệ thống mạng máy tính và truyền số liệu. Tư vấn, lập dự án đầu tư xây dựng công trình công nghệ thông tin. Tư vấn, thiết kế xây dựng công trình công nghệ thông tin thiết kế phần mềm và hệ thống phần mềm, thiết kế cơ sở dữ liệu và hệ thống cơ sở dữ liệu.	6209(Chính)
27.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
28.	Cổng thông tin	6312
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư . (Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	6619
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới bất động sản	6820
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
33.	Quảng cáo Chi tiết: dịch vụ quảng cáo, tư vấn marketing	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ họa, thiết kế website	7410
36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường; Tư vấn chuyển giao công nghệ.	7490
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Bán quản, chế biến lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản (không hoạt động tại trụ sở).	1030
40.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
41.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
42.	Đúc sắt, thép	2431
43.	Đúc kim loại màu	2432
44.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
46.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
47.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
48.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
49.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
50.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
51.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
52.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
53.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
54.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
55.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
56.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
57.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
58.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
59.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
60.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
61.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
62.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
63.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
64.	Xuất bản phần mềm	5820

65.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, Thiết bị sản xuất điện ảnh	7730
66.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất bao bì (trừ tái chế phế thải tại trụ sở).	3290
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Xây dựng nhà để ở	4101
69.	Xây dựng nhà không để ở	4102
70.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
71.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
74.	Phá dỡ	4311
75.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VÙ THỊ MÁY	701 Tầng 7 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	5,000	0151640031 27	
			Tổng số	45.000	450.000.000	5,000		

2	LƯU THỊ SỬU	Số 42 ngõ 175 Lạc Long Quân, Tổ 4, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	5,000	034149002175	
			Tổng số	45.000	450.000.000	5,000		
3	NGUYỄN NGỌC HIỆP	258 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	001085001003	
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
4	NGUYỄN THANH THỦY	258 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	315.000	3.150.000.000	35,000	001159006522	
			Tổng số	315.000	3.150.000.000	35,000		
5	ĐỖ MẠNH HÀ	22 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	001056000451	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		
6	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	Khu Lâm Sinh 1, Phường Minh Thành, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	5,000	038090000865	
			Tổng số	45.000	450.000.000	5,000		
7	GIÀNG A CHU	P701 Tầng 7 Khu Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	015059000051	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 06/09/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001159006522

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *258 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *258 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội